

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1

Môn: Sinh học 7

Năm học: 2017 – 2018

(Thời gian làm bài 60 phút, không kể thời gian giao đề)

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Chọn phương án đúng nhất và ghi kết quả vào giấy làm bài.

Câu 1. Hình thức dinh dưỡng của Trùng roi xanh là:

- a. Tự dưỡng b. Dị dưỡng c. Cả tự dưỡng và dị dưỡng d. Kí sinh.

Câu 2. Trùng sốt rét thường phát triển ở miền núi, vì:

- a. Có nhiều đầm lầy, nước đọng. b. Có nhiều cây cối rậm rạp.
c. Không khí thoáng mát. d. Cây cối rậm rạp, nhiều đầm lầy.

Câu 3. Muốn phòng bệnh kiết lị ta phải:

- a. Uống thuốc phòng bệnh. b. Giữ vệ sinh ăn uống.
c. Thường xuyên tắm rửa. d. Đeo khẩu trang.

Câu 4. Đặc điểm riêng của San hô so với Thủy tức, Sứa và Hải quỳ là:

- a. Sống thành tập đoàn. b. Sống bám.
c. Sống dị dưỡng. d. Sống tự dưỡng.

Câu 5. Loài Ruột khoang có thể cung cấp nhiều đá vôi là:

- a. Thủy tức b. San hô c. Hải quỳ d. Sứa

Câu 6. Môi trường kí sinh của Giun đũa ở người là:

- a. Gan b. Thận c. Ruột non d. Ruột già

Câu 7. Hệ thần kinh của Giun đất có dạng:

- a. Dây thần kinh b. Thần kinh dạng mạng lưới.
c. Não và các dây thần kinh d. Chuỗi hạch thần kinh.

Câu 8. Trai sông có lối sống:

- a. Nổi trên mặt nước b. Bơi lội trong nước
c. Sống ở đáy ao, hồ, ẩn nửa mình trong bùn cát d. Sống ở biển

Câu 9. Cơ thể có phần phụ phân đốt khớp động với nhau, đây là những đặc điểm của:

- a. Tôm sông b. Nhện c. Sâu bọ d. Ngành chân khớp

Câu 10. Các động vật nào dưới đây thuộc lớp Giáp xác?

- a. Tôm, mọt ẩm, cua đồng b. Tôm, ốc sên, bọ cạp
c. Mực, bạch tuộc, bọ ngựa d. Trai sông, sò, ốc vặn

Câu 11. Tim của cá được phân chia thành:

- a. 1 ngăn b. 2 ngăn c. 3 ngăn d. 4 ngăn

Câu 12. Cơ thể trai có cấu tạo như thế nào?

- a. Áo nằm dưới vỏ, mặt ngoài áo tiết vỏ đá vôi
b. Mặt trong áo tạo thành khoang áo
c. Phía trong là thân trai, phía ngoài là chân trai đây là trung tâm cơ thể.
d. Cả a,b,c đều đúng.

PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1: (2,5điểm) Cơ thể Tôm sông chia làm mấy phần? Hãy kể tên và nêu chức năng của các phần phụ ở mỗi phần.

Câu 2: (1,0 điểm) Nêu sự khác nhau giữa San hô và Thủy tức trong sinh sản vô tính mọc chồi.

Câu 3: (1,5 điểm) Nêu đặc điểm chung của ngành Thân mềm.

Câu 4: (2,0 điểm) Trình bày nơi sống, đặc điểm cấu tạo, dinh dưỡng và di chuyển của Sán lá gan.

-----Hết-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không được giải thích gì thêm.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN SINH HỌC 7

Thời gian kiểm tra: 60 phút

Cấp độ Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Tổng
					Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
Chương 1. Ngành động vật nguyên sinh	- Nhận biết được hình thức dinh dưỡng của trùng roi xanh.								

	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được cách phòng chống bệnh kiết lỵ. . - Biết được vì sao bệnh sốt rét thường xảy ra ở miền núi 							
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	3 0,75							3 0,75 7,5
Chương 2. Ngành ruột khoang	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được vai trò của san hô là cung cấp đá vôi. - Chỉ ra được đặc điểm riêng của San hô so với Thủy tức, Sứa và Hải quỳ 						<ul style="list-style-type: none"> - So sánh được sự khác nhau giữa Thủy tức và San hô trong sinh sản mọc chồi. 	
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	2 0,5				1 1,0			3 1,5 15
Chương 3. Các ngành giun	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được cấu tạo hệ thần kinh của giun đất. - Nhận biết được môi trường sống của giun đất. - Nêu được nơi sống, đặc điểm cấu tạo, dinh dưỡng, di chuyển và của sản lá gan 						<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức đề xuất được cách phòng chống giun đũa 	
Số câu Số điểm Tỉ lệ	2 0,5	1 2,0			1 1,0			4 3,5 35
Chương 4 Ngành thân mềm	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được lối sống của trai sông. - Nêu được đặc điểm cấu tạo của cơ thể trai. 							

Số câu Số điểm Tỉ lệ %	2 0,5							2 0,5 5
Chương 5. Ngành chân khớp	- Nhận biết được đặc điểm chung của Ngành chân khớp. - Nhận dạng được các đại diện của lớp Giáp xác.		Mô tả được các phần của cơ thể và chức năng của mỗi phần phụ của tôm sông.					
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	2 0,5		1 3,0					3 3,5 35
Chương 6. Ngành ĐVCXS Các lớp cá	- Nhận biết được sự phân chia các ngăn tim của cá.							
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	1 0,25							1 0,25 2,5
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %	12 3,0 30	1 2,0 20	1 3,0 30	2 2,0 20				16 10 100 %

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ ĐÁP ÁN

Môn: Sinh học 7

Năm học: 2017 – 2018

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (mỗi câu đúng 0,25 điểm).

1.c; 2.d; 3.b; 4.a; 5.b; 6.c; 7.d; 8.c; 9.d; 10.a; 11.b; 12.d.

PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
1		2,5 điểm
	<i>Cơ thể tôm sông gồm 2 phần:</i> Phần Đầu - ngực và phần bụng. - Đầu ngực: + Mắt, râu: định hướng phát hiện môi. + Các chân hàm: giữ và xử lí môi. + Chân ngực: bò và bắt môi.	0,5đ 0,5đ 0,5đ 0,5đ

	- Bụng: + Chân bụng: bơi, giữ thăng bằng, ôm trứng (con cái). + Tầm lái: lái, giúp tôm nhảy.	0,5 đ 0,5 đ
2		1,0 điểm
	<i>Sự khác nhau giữa san hô và thủy tức trong sinh sản vô tính mọc chồi:</i> - Thủy tức, khi trưởng thành, chồi tách ra để sống độc lập. - San hô, chồi cứ tiếp tục dính với cơ thể mẹ để tạo thành các tập đoàn.	0,5 đ 0,5 đ
3		1,5 điểm
	<i>*Đặc điểm chung của ngành thân mềm:</i> + Thân mềm, không phân đốt. + Có vỏ đá vôi. + Khoang áo phát triển. + Hệ tiêu hoá phân hoá. + Cơ quan di chuyển thường đơn giản (Trừ mực và bạch tuộc)	0,5 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
4		2,0 điểm
	- <i>Nơi sống:</i> kí sinh ở gan và mật trâu, bò. - <i>Cấu tạo:</i> hình lá, dẹp, dài từ 2 – 5 cm, mắt và lông bơi tiêu giảm, giác bám phát triển. - <i>Dinh dưỡng:</i> Hầu có cơ khỏe giúp miệng hút chất dinh dưỡng từ môi trường kí sinh đưa vào ruột phân nhánh. - <i>Di chuyển:</i> chui rúc, luồn lách trong môi trường kí sinh.	0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ